

Thuần Hè

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1612/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của UBND tỉnh ban hành Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Mục đích

a) Tổ chức đánh giá và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và UBND cấp xã theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 03/3/2015.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại kết quả cải cách hành chính được công bố hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách hành chính của đơn vị cho phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh; đề ra giải pháp khắc phục được những thiếu sót, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

- Đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Đánh giá tương đối toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của cải cách hành chính, bao gồm 07 nhóm lĩnh vực được xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh;

- Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ban, ngành của tỉnh;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- UBND các xã, phường, thị trấn.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Đánh giá, cho điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP) trong Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã, như sau:

1. Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành

Gồm 07 lĩnh vực, 23 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần:

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 2 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 3 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.

2. Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp huyện

Gồm 07 lĩnh vực, 24 tiêu chí và 54 tiêu chí thành phần:

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 2 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 3 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.

3. Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã

Gồm 07 lĩnh vực, 17 tiêu chí và 40 tiêu chí thành phần:

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 2 tiêu chí;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức: 2 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 1 tiêu chí;
- Hiện đại hóa hành chính: 2 tiêu chí.

III. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ

1. Thang điểm và cách tính chỉ số CCHC

a) Thang điểm

- Thang điểm đánh giá là 100;
- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã.

b) Cách tính chỉ số cải cách hành chính

- Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện: "Điểm tự đánh giá" của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện được UBND tỉnh xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND tỉnh đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND tỉnh đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

- Chỉ số CCHC của UBND cấp xã: "Điểm tự đánh giá" của UBND cấp xã được UBND cấp huyện xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND cấp huyện đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND cấp huyện đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

2. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị

Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính hàng năm của đơn vị mình bằng cách cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (ban hành theo Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của UBND tỉnh), kèm theo tài liệu kiểm chứng.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, tính điểm.

Việc tự đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị được tiến hành với thành phần như sau:

- Đối với sở, ban, ngành: Phải có sự tham gia của Thủ trưởng đơn vị và trưởng các phòng, ban chuyên môn liên quan;

- Đối với UBND cấp huyện: Phải có sự tham gia của Chủ tịch UBND cấp huyện và trưởng các phòng, ban chuyên môn liên quan;

- Đối với UBND cấp xã: Phải có sự tham gia của Chủ tịch UBND cấp xã và công chức tham mưu công tác cải cách hành chính;

Tùy vào đặc điểm, tình hình và để đảm bảo khách quan, Thủ trưởng đơn vị có thể mời thêm các thành phần khác cùng tham gia.

3. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị

a) Kết quả tự chấm điểm cải cách hành chính của UBND cấp xã

- UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm công tác cải cách hành chính của UBND cấp xã trực thuộc;

- Thành phần tham gia: Phải có sự tham gia của Chủ tịch UBND cấp huyện và trưởng các phòng, ban chuyên môn có liên quan.

b) Kết quả tự chấm điểm cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ sẽ thẩm định, thống nhất tham mưu UBND tỉnh đánh giá kết quả kết tự chấm điểm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.

c) Tổ chức kiểm tra kết quả tự đánh giá tại thực tế đơn vị

Để thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các đơn vị được khách quan, chính xác, ngoài căn cứ vào tài liệu kiểm chứng, báo cáo giải thích của đơn vị, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra thực tế việc tự đánh giá của UBND cấp xã trực thuộc, Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra thực tế tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cụ thể:

- Số lượng đơn vị tiến hành kiểm tra: 50% các đơn vị;

- Nội dung kiểm tra: Sự chính xác, phù hợp trong việc chấm điểm các TC, TCTP với kết quả cải cách hành chính trong lĩnh vực tương ứng của đơn vị; thành phần tham gia tự đánh giá, chấm điểm của đơn vị;

- Kết quả kiểm tra: Làm cơ sở, tài liệu kiểm chứng để UBND cấp huyện, UBND tỉnh đánh giá, xác định chỉ số CCHC các đơn vị.

IV. PHÂN LOẠI VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HÀNG NĂM

1. Phân loại chỉ số CCHC hàng năm

a) Việc phân loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với cơ quan, đơn vị, địa phương được tính trên cơ sở số điểm của chỉ số CCHC của mỗi đơn vị và xác định theo thứ tự từ cao đến thấp, chia thành các nhóm như sau:

- Đơn vị xuất sắc: Từ 91 đến 100 điểm;
- Đơn vị tốt: Từ 81 đến 90 điểm;
- Đơn vị khá: Từ 65 đến 80 điểm;
- Đơn vị trung bình: Từ 50 đến 64 điểm;
- Đơn vị yếu: Dưới 50 điểm.

b) Đối với UBND cấp huyện, việc xếp hạng kết quả cải cách hành chính hàng năm căn cứ vào số điểm chỉ số CCHC của mỗi đơn vị và phải có ít nhất 2/3 số lượng UBND cấp xã trực thuộc được đánh giá từ cùng mức trở lên; Trường hợp dưới 2/3 số lượng UBND cấp xã trực thuộc được đánh giá cùng mức xếp hạng với UBND cấp huyện thì kết quả CCHC của UBND huyện đó được xếp hạng xuống nhóm liền kề trong các nhóm tại *điểm a*, mục 1, phần IV. Ví dụ: UBND huyện A có điểm chỉ số CCHC là 95 điểm (điểm thuộc nhóm xuất sắc) nhưng số lượng UBND cấp xã trực thuộc được đánh giá xuất sắc không đạt 2/3 trên tổng số đơn vị cấp xã thì chỉ số CCHC của UBND huyện A chỉ được xếp nhóm đơn vị tốt.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân loại chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; UBND cấp huyện thực hiện phân loại chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp xã.

2. Công bố Chỉ số cải cách hành chính

Hàng năm, UBND tỉnh công bố chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp huyện công bố chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã trực thuộc.

V. KHEN THƯỞNG

1. Hàng năm, UBND tỉnh xem xét tặng bằng khen, cụ thể:

a) Các cơ quan, đơn vị đạt chỉ số CCHC cao:

- Các sở, ban, ngành: Tặng bằng khen cho 03 đơn vị có Chỉ số cải cách hành chính cao nhất.

- UBND cấp huyện: Tặng bằng khen cho 03 đơn vị có số Chỉ số cải cách hành chính cao nhất.

b) Cá nhân: UBND tỉnh xem xét tặng bằng khen cho các cá nhân đạt thành tích trong công tác cải cách hành chính, xác định chỉ số cải cách hành chính, theo đề xuất của các đơn vị và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh.

2. UBND cấp huyện sẽ tặng giấy khen 03 UBND cấp xã trực thuộc có Chỉ số cải cách hành chính cao nhất.

3. Nguồn kinh phí khen thưởng

- Nguồn tiền thưởng cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh cấp).

- Nguồn tiền thưởng cho UBND cấp xã trích từ quỹ thi đua khen thưởng của UBND cấp huyện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

VI. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính được đảm bảo bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh và thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với cấp tỉnh: Hàng năm, giao Sở Nội vụ căn cứ vào nội dung kế hoạch, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt. Kinh phí xác định Chỉ số CCHC năm 2014 các sở, ngành, UBND cấp huyện là **53.550.000 đồng** (năm mươi ba triệu năm trăm năm chục ngàn) đã được Sở Tài chính cấp cho Sở Nội vụ tại Quyết định số 486/QĐ-STC ngày 12/12/2014 từ nguồn ngân sách của tỉnh (*phụ lục kinh phí kèm theo*).

VII. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Xác định Chỉ số CCHC năm 2014

a) Đến ngày **31/3/2015**, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của đơn vị và gửi kết quả về cơ quan chủ trì thực hiện kế hoạch (Sở Nội vụ).

Riêng đối với UBND cấp huyện: Đến ngày **31/3/2015**, hoàn thành công tác kiểm tra thực tế, thẩm định, phân loại, công bố Chỉ số CCHC của UBND cấp xã trực thuộc và gửi về Sở Nội vụ.

b) Từ ngày **01/4/2015** đến ngày **29/4/2015**, Sở Nội vụ tổng hợp kết quả tự đánh giá của các đơn vị trong tỉnh; tổ chức kiểm tra việc tự đánh giá thực tế tại đơn vị.

c) Từ ngày **01/5/2015** đến ngày **29/5/2015**, các cơ quan được phân công, tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan đơn vị và

tham mưu UBND tỉnh đánh giá, tính chỉ số, xếp hạng kết quả CCHC các cơ quan, đơn vị.

d) Trong tháng **6/2015**, UBND tỉnh sẽ công bố chỉ số cải cách hành chính năm trước của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh; tổ chức trao thưởng các cơ quan, đơn vị đạt chỉ số CCHC cao.

2. Xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2015 trở đi

Từ cuối năm 2015 trở đi, UBND tỉnh có **hướng** dẫn cụ thể về thời gian triển khai xác định, công bố chỉ số cải cách hành **chính** của các đơn vị, địa phương.

VIII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Để thực hiện hiệu quả việc đánh giá chỉ số **cải cách** hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và **cấp xã**; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, UBND tỉnh phân công như sau:

1. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện kế hoạch này:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC; tổng hợp kết quả tự đánh giá và thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm tại các đơn vị; phối hợp với các cơ quan được phân công thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị;

- Tham mưu UBND tỉnh đánh giá, công bố chỉ số CCHC và khen thưởng các cơ quan, đơn vị đạt chỉ số CCHC cao hàng năm;

- Lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, **chấm điểm** của các đơn vị về các lĩnh vực:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC;

- Cải cách thủ tục hành chính;

- Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác đánh giá, phân loại và công bố chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tư pháp

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực: Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

4. Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, hướng dẫn Sở Nội vụ thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực cải cách cơ chế quản lý tài chính công.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính, gồm 02 tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt quản lý hành chính;
- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về tiêu chí áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của cơ quan (thuộc lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính).

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

Chủ trì tổ chức việc xác định, công bố chỉ số cải cách hành chính hàng năm của UBND cấp xã trực thuộc, báo cáo kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã về cơ quan chủ trì thực hiện kế hoạch (Sở Nội vụ) để báo cáo UBND tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch.

Các cơ quan, đơn vị tham khảo Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã; kế hoạch này tại địa chỉ *website: ssv.dongnai.gov.vn*).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HC, Sở Nội vụ (02 bản).



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Kinh phí triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã năm 2014
(Kèm theo Kế hoạch số 612/KH-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh)

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các nội dung chi, mức chi của Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh về các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh ban hành phụ lục kinh phí triển khai thực hiện xác định chỉ số, như sau:

TT	Nội dung chi	Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện	Mức chi	Thành tiền (VNĐ)
1	Văn phòng phẩm, photo tài liệu	Sở Nội vụ	Văn phòng phẩm, photo các tài liệu: Kế hoạch triển khai chỉ số; các tài liệu kiểm chứng; các báo cáo phục vụ đánh giá, xếp hạng chỉ số CCHC, ...: 2.000.000đ	2.000.000
2	Chi hỗ trợ các thành viên đi kiểm tra thực tế (ngoài công tác phí) tại 15 đơn vị, gồm: 10 Sở và 5 UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	05 người x 15 đơn vị x 100.000 đồng/đơn vị = 7.500.000đ	7.500.000
3	Chi hỗ trợ các thành viên tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của 20 sở, ban, ngành và 11 UBND cấp huyện (ngoài công tác phí)	Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các sở: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công	10 người x 31 đơn vị x 100.000 đồng/đơn vị = 31.000.000đ	31.000.000

		nghệ, Thông tin và Truyền thông		
4	Báo cáo tổng hợp kết quả xác định, xếp hạng chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã (bao gồm báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo từng cấp: Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và UBND cấp xã)	Sở Nội vụ	8.500.000đ	8.500.000
5	Tổ chức Hội nghị công bố kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC năm 2013	Sở Nội vụ	- Photo tài liệu phục vụ Hội nghị: 25 tờ x 300 đ/tờ x 100 người = 750.000đ; - Trang trí Hội trường: 800.000đ; - Nước uống cho đại biểu: 100 người x 30.000đ = 3.000.000đ;	4.550.000
TỔNG: 53.550.000đ (Năm mươi ba triệu năm trăm năm chục ngàn)				